

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 265/2026/HC-PT

Ngày 24-3-2026.

V/v “*Khiếu kiện hành vi hành chính*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Minh.

Ông Dương Anh Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Yến Xuân – Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc H – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2026/TLPT-HC ngày 05/01/2026 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2025/HC-ST ngày 29-9-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 571/2026/QĐPT-HC ngày 09 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Văn C, sinh năm 1950; địa chỉ: tổ D, ấp F, xã N, tỉnh Đồng Nai. vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Lan C1, sinh năm 1960; địa chỉ: D đường C, phường A, tỉnh Vĩnh Long; có mặt

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre. (không còn hoạt động)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long; xin vắng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T, Phó trưởng Phòng Kinh tế xã T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng); và ông Nguyễn Thanh T1, Chuyên viên Phòng Kinh tế xã T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng); cùng địa chỉ: ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ1 - Vĩnh Long).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh Đ, Giám đốc; xin vắng

+ Ông Lê Văn T2, sinh năm 1954 (đã chết);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Lê Văn T2, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

. Bà Tăng Thị G, sinh năm 1954; địa chỉ: khu phố A, xã T, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt

. Bà Lê Kim T3, sinh năm 1976; địa chỉ: khu phố A, xã T, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt

. Bà Lê Thị T4, sinh năm 1978; địa chỉ: khu phố A xã T, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt

. Ông Lê Hoàng T5, sinh năm 1985; địa chỉ: khu phố A, xã T, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt

. Ông Lê Hoàng T6, sinh năm 1982; địa chỉ: khu phố A, xã T, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt

. Ông Lê Hoàng T7, sinh năm 1984; địa chỉ: khu phố A, xã T, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt

+ Bà Lê Thị L, sinh năm 1964; địa chỉ: khu phố A, xã T, tỉnh Vĩnh Long; có mặt

+ Bà Hạ Thị S, sinh năm 1956; địa chỉ: tổ D, ấp F, xã N, tỉnh Đồng Nai; có mặt

+ Ông Phạm Văn T8, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp F, xã T, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt

+ Bà Trần Thị H1, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp F, xã A xã T, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn C, là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Lan C1 trình bày:

Ngày 03/01/2006, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử vụ án “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” giữa ông Lê Văn T2 với ông Trần Văn C, đã tuyên xử: Bác yêu cầu chuộc lại đất của ông Lê Văn T2, bà Lê Thị L với ông Trần Văn C; ông Trần Văn C được quyền sử dụng phần đất có diện tích 637m² thuộc thửa 365, tờ bản đồ số 03, xã A, huyện B; kiến nghị Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B điều chỉnh, chuyển diện tích 637m² đất nêu trên từ giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất cấp ngày 29/9/1995 cho hộ ông Lê Văn T2 để cấp quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn C... Nhưng đến nay UBND huyện B

không chấp hành kiến nghị trên, không cấp GCNQSD đất cho ông C.

Do đó, ông C yêu cầu Tòa án buộc Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Vĩnh Long (kế thừa quyền, nghĩa vụ của UBND huyện B) thông qua Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực 25 - Vĩnh Long, thực hiện việc cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 365, tờ bản đồ số 03, diện tích 637m², xã A, tỉnh Vĩnh Long theo Bản án dân sự phúc thẩm số 181/DS-PT ngày 03/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Theo Văn bản số 648/UBND-NC ngày 10/3/2025, UBND huyện B, tỉnh Bến Tre trình bày:

Bản án dân sự phúc thẩm số 181/DS-PT ngày 03/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết tranh chấp đối với thửa đất số 365, nhưng không đính kèm bản vẽ đo đạc hoặc tọa độ thửa đất số 365. Thửa đất này được UBND huyện B cấp GCNQSD đất ngày 29/9/1995 cho hộ ông Lê Văn T2, trên cơ sở bản đồ địa chính thành lập theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ, sử dụng quy trình đo vẽ thủ công, phương pháp thành lập bản đồ đơn giản (sử dụng không ảnh kết hợp điều vẽ ngoại nghiệp). Bản đồ này có độ chính xác thấp và không có tọa độ chính xác để phục hồi theo quy định.

UBND huyện B không có cơ sở phục hồi ranh giới, mốc giới thửa đất số 365 theo Bản án dân sự phúc thẩm số 181/DSPT ngày 03/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Mặt khác, hiện nay ông Trần Văn C, bà Hạ Thị S đang tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị C2 tại một phần thửa đất số 365. Do đó, UBND huyện B không thể thực hiện việc cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 365 cho ông C theo Bản án số 181 nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tăng Thị G, bà Lê Kim T3, bà Lê Thị T4, bà Lê Thị L, ông Lê Hoàng T6, Lê Hoàng T7 cùng trình bày:

Ông Trần Văn C yêu cầu UBND huyện B, tỉnh Bến Tre cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 365, diện tích 637m³ cho ông C, các Ông Bà không đồng ý, do thửa đất này gia đình các Ông Bà được Nhà nước cấp cho gia đình Liệt sĩ.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 37/2025/HC-ST ngày 29-9-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử (tóm tắt):

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long) thông qua Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ1 - Vĩnh Long) thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn C đối với thửa đất số 365, tờ bản đồ số 03, diện tích 637m², tọa lạc tại ấp F, xã A (khu phố A, thị trấn T), huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) theo Bản án dân sự phúc thẩm số 181/DS-PT ngày 03/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10/10/2025, người khởi kiện ông Trần Văn C kháng cáo Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và có ý kiến tranh luận:

Bản án dân sự phúc thẩm số 181 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã công nhận thửa đất số 365 có diện tích 637m² nên cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải cấp GCNQSD đất cho ông Trần Văn C theo bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án đối với thửa đất và diện tích nêu trên.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét xử không chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện đối với N bị kiện là có căn cứ pháp luật. Người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn C làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt Người bị kiện.

Những người được Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng tranh chấp dân sự giữa ông Lê Văn T2 với ông Trần Kim C3 đã được giải quyết tại bản án có hiệu lực pháp luật (Bản án dân sự phúc thẩm số 181/DS-PT ngày 03/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre) nên không còn quyền lợi hay nghĩa vụ liên quan đến vụ án này. Do đó, việc đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng quy định về đương sự mà chỉ với tư cách người làm chứng (Điều 53 của Luật Tố tụng hành chính).

[2] Xét kháng cáo của Người khởi kiện, thấy rằng, Bản án dân sự phúc thẩm số 181/DS-PT ngày 03/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (đã có hiệu lực pháp luật) đã quyết định: “Ông Trần Văn C được quyền sử dụng phần đất có diện tích là 637m² thuộc thửa 365, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp F, xã A (nay là khu phố A, thị trấn T), huyện B, tỉnh Bến Tre; kiến nghị UBND huyện B điều chỉnh, chuyển diện tích 637m² đất nêu trên từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 29/9/1995 cho hộ ông Lê Văn T2 để cấp quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn C, sinh năm 1950, trú tại ấp F, xã A (nay là khu phố A, thị trấn T), huyện B, tỉnh Bến Tre”.

[3] Ông Trần Văn C căn cứ vào bản án có hiệu lực pháp luật (xác định Ông

được quyền sử dụng đất, diện tích 637m² thuộc thửa số 365, tờ bản đồ số 03, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre - nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long), đề nghị UBND huyện B, tỉnh Bến Tre (người kế thừa quyền, nghĩa vụ là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long) thực hiện cấp GCNQSD đất, thửa số 365 nêu trên là đúng quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013.

[4] Tuy nhiên, theo Văn bản số 422/THADS-KV8 ngày 19/9/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Vĩnh Long (kèm theo hồ sơ thi hành án Bản án số 181/DS-PT ngày 03/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre), thì trong quá trình thi hành án, ông Lê Văn T2 đồng ý giao thửa đất số 365 cho ông Trần Văn C; cơ quan thi hành án tiến hành đo đạc đề thi hành án, nhưng thửa đất thực tế có chiều ngang 12,7m và 5,8m, không đúng với quyền sử dụng đất được tuyên trong bản án (chiều ngang 15,18m và 10,40m); ông C không đồng ý nhận đất theo thực tế đo đạc mà yêu cầu nhận theo diện tích Giấy chứng nhận; do ông C rút lại đơn yêu cầu thi hành án nên Thi hành án dân sự huyện B đã ban hành Quyết định số 16/QĐ-THA ngày 29/8/2006, đình chỉ thi hành án.

[5] Xét thấy, theo các tài liệu thu thập từ hồ sơ vụ án “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” giữa ông Lê Văn T2 với ông Trần Văn C, thì khi giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành đo đạc hiện trạng phần đất tranh chấp tại thửa 365 mà chỉ căn cứ vào Trích lục bản đồ thửa 365 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện B (theo Giấy chứng nhận đã cấp năm 1995, Trích lục họa đồ năm 2006 xác định thửa 365 có diện tích 637m²) để giải quyết giao quyền sử dụng diện tích đất nêu trên cho ông C. Tuy nhiên, thực tế kích thước, diện tích thửa đất số 365 không đúng trích lục bản đồ theo GCNQSD đất, và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định, không có căn cứ để phục hồi ranh giới, mốc giới thửa đất 365 do số liệu thửa đất trên cơ sở bản đồ địa chính thành lập theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ không có toạ độ chính xác.

[6] Quá trình thi hành án Bản án số 181 cũng như quá trình giải quyết khiếu nại của ông C từ năm 2006 đến năm 2024, các cơ quan chức năng đã hướng dẫn ông C tiến hành thủ tục đo đạc thửa đất thực tế để được cấp GCNQSD đất, nhưng ông C không thực hiện nên không có cơ sở để cấp quyền sử dụng đất thửa số 365 cho ông C được.

[7] Lẽ ra, trường hợp không thi hành bản án nêu trên được thì cơ quan thi hành án có thẩm quyền phải yêu cầu Tòa án nơi ban hành bản án giải thích bản án hoặc kiến nghị hủy bản án để giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự mới đúng.

[8] Quá trình giải quyết vụ án hành chính, người khởi kiện cũng không đồng ý việc đo đạc thửa đất mà yêu cầu Tòa án buộc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSD đất cho ông C theo đúng diện tích 637m² theo Bản án số 181.

[9] Theo khoản 5 Điều 98 Luật Đất đai năm 2013 quy định về Nguyên tắc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thì “*Trường hợp có sự chênh lệch diện tích giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này hoặc Giấy chứng nhận đã cấp mà ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới thửa*

đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề thì khi cấp hoặc cấp đổi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế. Người sử dụng đất không phải nộp tiền sử dụng đất đối với phần diện tích chênh lệch nhiều hơn nếu có.

Trường hợp đo đạc lại mà ranh giới thửa đất có thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất và diện tích đất đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất thì phần diện tích chênh lệch nhiều hơn (nếu có) được xem xét cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 99 của Luật này.”

Theo khoản 6 Điều 135 Luật Đất đai năm 2024 quy định về Nguyên tắc cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, thì “*Trường hợp có sự chênh lệch diện tích giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên giấy tờ quy định tại Điều 137 của Luật này hoặc GCNQSD đất... đã cấp mà ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất, GCNQSD đất... đã cấp, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề thì khi cấp hoặc cấp đổi GCNQSD đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, diện tích đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế.*

Trường hợp đo đạc lại mà ranh giới thửa đất có thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc GCNQSD đất... đã cấp và diện tích đất đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc GCNQSD đất... đã cấp thì phần diện tích chênh lệch nhiều hơn được xem xét cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Trường hợp GCNQSD đất... đã cấp mà vị trí không chính xác thì rà soát, cấp đổi GCNQSD đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người sử dụng đất.”

[10] Thửa đất số 365 không thể phục hồi ranh. Theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 197/TB-TLVA ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long), thì một phần thửa 365 đang phát sinh tranh chấp về quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn C, bà Hạ Thị S với ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị C4 và bà Nguyễn Thị Mộng C5. Do đó, không có cơ sở xác định diện tích đất thực tế của thửa 365 để cấp GCNQSD đất theo yêu cầu của ông C được.

[11] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện đối với Người bị kiện là có căn cứ, đúng pháp luật.

[12] Người khởi kiện kháng cáo Bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên đại diện Viên Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm và phù hợp với nhận định trên.

[13] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[14] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn C thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên ông C không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính,

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn C. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2025/HC-ST ngày 29-9-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng khoản 5 Điều 98 Luật Đất đai năm 2013; khoản 6 Điều 135 Luật Đất đai năm 2024; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UNTƯVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về Án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long) thông qua Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ1 - Vĩnh Long) thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn C đối với thửa đất số 365, tờ bản đồ số 03, diện tích 637m², xã A (khu phố A, thị trấn T), huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) theo Bản án dân sự phúc thẩm số 181/DS-PT ngày 03/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

2. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Văn C không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Tp. HCM;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA, VNYX.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Tuấn

